

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 09-6-2025.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Bé.

Ông Đinh Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân Huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Chung T, sinh năm 1970, địa chỉ đăng ký thường trú: Số nhà 117/8, ấp L, xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Minh Tr, sinh năm 1967, địa chỉ: Số nhà 117/8, ấp L, xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trương Thị Chung T là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà T và ông Tr kết hôn vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Xuân Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào ngày 27/02/1991. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 35 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông Tr đe dọa, dùng bạo lực với bà T. Bà T và ông Tr không còn sống chung với nhau từ ngày 05 tháng 4 năm 2025 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Về nuôi con chung: Bà T và ông Tr có với nhau 02 người con chung tên Đỗ Minh N, sinh ngày 24/11/1991 (đã trưởng thành) và Đỗ Minh H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2008. Hiện nay con chung tên Đỗ Minh H đang sống cùng ông Tr. Theo đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 4 năm 2025, thì bà T yêu cầu ông Tr nuôi con, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Nhưng theo nguyện vọng của con là mong muốn được sống với bà T, nên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà T yêu cầu được Tr tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Minh H, bà T không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông Tr có tài sản chung, bà T và ông Tr tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông Tr có nợ chung đối với số phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn tồn tại hộ kinh doanh của vợ chồng, nhưng bà T không biết cụ thể bao nhiêu, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đỗ Minh Tr là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà T về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng là đúng, do mâu thuẫn về tiền bạc trong gia đình nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Ông Tr không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Tại phiên tòa, ông Tr đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Tr và bà T có với nhau 02 người con chung tên Đỗ Minh N, sinh ngày 24/11/1991 (đã trưởng thành) và Đỗ Minh H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2008. Hiện nay con chung tên Đỗ Minh H đang sống cùng ông Tr. Ông Tr đồng ý để bà T Tr tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Minh H, ông Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Tr và bà T có tài sản chung, ông Tr chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Tr cam kết là ông Tr và bà T không có nợ chung, phần nợ đối với số phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thì ông Tr không biết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trương Thị Chung T và ông Đỗ Minh Tr kết hôn với nhau vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Xuân Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Tr, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bà Trương Thị Chung T và ông Đỗ Minh Tr chung sống hạnh phúc được 35 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc, ông Tr đe dọa, dùng bạo lực với bà T. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà T và ông Tr không còn sống chung với nhau từ ngày 05 tháng 4 năm 2025 đến nay. Tại phiên tòa, ông Tr đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T ly hôn với ông Tr.

[4] Về con chung: Bà Trương Thị Chung T và ông Đỗ Minh Tr có 02 người con chung tên Đỗ Minh N, sinh ngày 24/11/1991 (đã trưởng thành) và Đỗ Minh H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2008. Hiện nay con chung tên Đỗ Minh H đang sống cùng ông Tr. Theo đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 4 năm 2025, thì bà T yêu cầu ông Tr nuôi con, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà T yêu cầu được Tr tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Minh H, bà T không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Ông Tr đồng ý để cho bà T Tr tiếp nuôi con, ông Tr không cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Đỗ Minh H mong muốn được sống chung với bà T. Yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Trương Thị Chung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Đỗ Minh Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng các khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Phong hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Chung T, cho bà Trương Thị Chung T ly hôn với ông Đỗ Minh Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Đỗ Minh H, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2008 cho bà Trương Thị Chung T Tr tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Đỗ Minh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay con chung tên Đỗ Minh H đang sống cùng ông Đỗ Minh Tr.

Sau khi ly hôn, người không Tr tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không Tr tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người Tr tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu thay đổi người Tr tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Chung T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Trương Thị Chung T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010935, ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Đỗ Minh Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Trương Thị Chung T và ông Đỗ Minh Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã Dương Xuân Hội;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng